

Số: 458 /TTr-BCA

Hà Nội, ngày 29 tháng 7 năm 2026

TỜ TRÌNH**Chính sách của Luật Định danh và xác thực điện tử**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Công an kính trình Chính phủ chính sách của Luật Định danh và xác thực điện tử như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH**1. Cơ sở chính trị, pháp lý***a) Cơ sở chính trị*

- Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 25/07/2018 của Bộ Chính trị về Chiến lược An ninh mạng quốc gia, khẳng định việc: “*Xây dựng hệ thống định danh và xác thực điện tử quốc gia phục vụ các hoạt động của xã hội trên môi trường mạng an toàn, tin cậy; có chính sách khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức trong nước nghiên cứu, phát triển các giải pháp kỹ thuật xác thực điện tử*”. Theo đó, tại nội dung Nghị quyết đã xác định định danh không chỉ là tiện ích mà còn là công cụ để quản lý xã hội và ngăn ngừa tội phạm công nghệ cao.

- Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới, trong đó xác định yêu cầu hoàn thiện hệ thống pháp luật đồng bộ, thống nhất, công khai, minh bạch và đẩy mạnh chuyển đổi số, xây dựng Chính phủ điện tử, Chính phủ số. Theo đó, việc xây dựng Luật Định danh và xác thực điện tử là bước thể chế hóa chủ trương hoàn thiện thể chế, bảo đảm thượng tôn Hiến pháp và pháp luật, đề cao quyền con người, quyền công dân trên môi trường số.

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/09/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, trong đó Nghị quyết yêu cầu: “*Xây dựng và phát triển đồng bộ hạ tầng dữ liệu quốc gia. Hình thành hệ thống trung tâm dữ liệu quốc gia, các trung tâm dữ liệu vùng và địa phương kết nối đồng bộ và thống nhất. Xây dựng hành lang pháp lý cho việc định danh và xác thực điện tử quốc gia; thiết lập khung pháp lý cho việc triển khai các mô hình kinh doanh mới, kinh tế số, xã hội số*”. Việc xây dựng Luật Định danh và xác thực điện tử là bước cụ thể hóa và hoàn thiện pháp luật về định danh và xác thực điện tử quốc gia thiết lập khung pháp lý cho việc triển khai các mô hình kinh doanh mới, kinh tế số, xã hội số, cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

- Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, xác định một trong ba đột phá chiến lược là: *“Đẩy mạnh xây dựng Chính phủ điện tử, tiến tới Chính phủ số, trong đó tập trung phát triển hạ tầng số phục vụ các cơ quan nhà nước một cách tập trung, thông suốt; thiết lập bộ dữ liệu số Chính phủ, tạo nền tảng cho kinh tế số, xã hội số phát triển”*. Trong Chính phủ số, mọi tương tác giữa người dân và chính quyền đều diễn ra trên môi trường mạng. Theo đó, định danh và xác thực điện tử chính là công cụ để Nhà nước xác định chính xác chủ thể đang thực hiện các thủ tục, giao dịch, thay thế hoàn toàn việc phải hiện diện trực tiếp hoặc dùng giấy tờ vật lý, từ đó yêu cầu phải có một khung pháp lý hoàn thiện, thống nhất về định danh và xác thực điện tử, giúp các cơ quan nhà nước có căn cứ cắt giảm thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước được giao giúp Chính phủ.

- Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 30/08/2022 của Bộ Chính trị về phòng thủ dân sự đến năm 2030 và những năm tiếp theo, trong đó nhấn mạnh *“Tăng cường ứng dụng thành tựu khoa học - công nghệ, nhất là cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong hoạt động phòng thủ dân sự; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung về phòng thủ dân sự, kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, định danh và xác thực điện tử và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác của bộ, ngành, địa phương để nâng cao hiệu quả công tác quản lý, điều hành, ứng phó với các tình huống khẩn cấp”*. Theo đó, Nghị quyết yêu cầu việc xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung về phòng thủ dân sự, kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, định danh và xác thực điện tử. Trong các tình huống như dịch bệnh hoặc thiên tai, việc xác định đúng danh tính điện tử của từng cá nhân, của các sự vật, hiện tượng, sự kiện giúp Nhà nước phân phối nguồn lực cứu trợ, quản lý di biến động một cách chính xác và công bằng.

- Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng Cộng sản Việt Nam: *“Tập trung ưu tiên xây dựng đồng bộ thể chế phát triển, trọng tâm là hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách nhằm tháo gỡ kịp thời, dứt điểm các nút thắt, điểm nghẽn, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, bảo đảm sự đồng bộ, hài hòa giữa tăng trưởng và phát triển; giữa kinh tế, xã hội, môi trường với quốc phòng, an ninh, đối ngoại; giữa đổi mới, hoàn thiện thể chế với các chuyển đổi trọng tâm, toàn diện trên mọi lĩnh vực, phù hợp với mô hình chính quyền 3 cấp, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững đất nước trong kỷ nguyên mới”*. Trong bối cảnh đó, việc xây dựng khung pháp lý đầy đủ, thống nhất về định danh và xác thực điện tử có ý nghĩa quan trọng nhằm thiết lập nền tảng nhận diện số tin cậy cho các chủ thể tham gia giao dịch trên môi trường số, phục vụ phát triển Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị đã xác định: *“Phát triển các nền tảng số an toàn và tăng cường ứng dụng công nghệ số, hình thành công dân số. Phát triển một số mạng xã hội Việt Nam, xây dựng xã hội số an toàn, lành mạnh. Phát triển văn hoá số bảo đảm giữ gìn bản sắc dân tộc, xây dựng bộ quy tắc ứng xử trên không gian mạng, giảm thiểu tác động tiêu cực của công nghệ số đối với xã hội.”* Do vậy, Luật Định danh và xác thực điện tử cần được ban hành để kiến tạo môi trường giao dịch minh bạch, bảo đảm an

ninh, an toàn mạng cho mọi chủ thể. Luật Định danh và xác thực điện tử sẽ là “chìa khóa” tiên quyết giúp hiện thực hóa mục tiêu hình thành “công dân số” và bứt phá năng lực quản trị quốc gia trong kỷ nguyên mới.

- Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới đặt ra yêu cầu đổi mới tư duy xây dựng pháp luật theo hướng *“...phát huy dân chủ, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ hiệu quả quyền con người, quyền công dân; bảo đảm sự cân đối, hợp lý giữa mức độ hạn chế quyền với lợi ích chính đáng đạt được... Bên cạnh một số bộ luật, luật quy định về quyền con người, quyền công dân, tố tụng tư pháp cần cụ thể, về cơ bản các luật khác, nhất là luật điều chỉnh các nội dung về kiến tạo phát triển chỉ quy định những vấn đề khung, những vấn đề có tính nguyên tắc thuộc thẩm quyền của Quốc hội, còn những vấn đề thực tiễn thường xuyên biến động thì giao Chính phủ, Bộ, ngành, địa phương quy định để bảo đảm linh hoạt, phù hợp với thực tiễn”*.

- Chỉ thị số 57-CT/TW ngày 31/12/2025 của Ban Bí thư về tăng cường bảo đảm an ninh mạng, bảo mật thông tin, an ninh dữ liệu trong hệ thống chính trị đã yêu cầu *“Triển khai hệ thống định danh và xác thực không gian mạng quốc gia; thống nhất định danh công dân, người dùng mạng xã hội, thuê bao viễn thông và tài nguyên Internet (tên miền, địa chỉ IP...). Kiên quyết xử lý triệt để tình trạng SIM “rác”, tài khoản “ảo”, nặc danh; áp dụng biện pháp xác thực danh tính bắt buộc đối với người dùng mạng xã hội và cơ chế kiểm soát độ tuổi để bảo vệ trẻ em trên không gian mạng”*.

- Quán triệt các chủ trương của Đảng về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, định hướng xây dựng hạ tầng định danh và xác thực điện tử, làm nền tảng cho hoạt động của hệ thống chính trị, cụ thể:

+ Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về việc thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của Hệ thống chính trị, đã xác định nhiệm vụ đột phá mang tính dẫn dắt: *“Ứng dụng VNeID là chìa khóa số để định danh, xác thực cung cấp các giấy tờ điện tử và nhận thông báo chính thức từ chính quyền”*.

+ Quy định số 05-QĐ/BCĐTW ngày 27/8/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về Mô hình liên thông số thống nhất, hiệu quả và quản trị dựa trên dữ liệu trong hệ thống chính trị. Trong đó, tại kiến trúc tổng thể của mô hình, lớp 4 về kênh tương tác và đo lường hiệu quả: *“Giao diện tương tác chính, cổng Dịch vụ công Quốc gia (dành cho giao diện web) và ứng dụng VNeID (dành cho di động) là hai kênh giao tiếp chính. Ngoài hai kênh giao tiếp chính, các địa phương căn cứ điều kiện thực tế để phát triển các kênh tiếp cận bổ trợ (điểm hỗ trợ tại cộng đồng, dịch vụ lưu động...) bảo đảm mọi người dân đều có thể tiếp cận”*.

- Chương trình số 02-CTr/BCĐTW ngày 02/02/2026 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi

số giao trực tiếp Bộ Công an chủ trì “*Nghiên cứu, lập đề nghị xây dựng Luật Định danh và xác thực điện tử, báo cáo Chính phủ để đề xuất Quốc hội xem xét, bổ sung vào Chương trình lập pháp năm 2026, hoàn thành trong quý I/2026*”.

- Nghị quyết số 03/2026/UBTVQH16 ngày 19/5/2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XVI về việc bổ sung dự án Luật Định danh và xác thực điện tử vào Chương trình lập pháp năm 2026, trong đó nêu lộ trình trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XVI vào tháng 9/2026.

- Quyết định số 826/QĐ-TTg ngày 11/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035, trong đó có nhiệm vụ “*Nghiên cứu triển khai xây dựng các nền tảng chuỗi khối quốc gia, định danh phi tập trung quốc gia, định danh, xác thực, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa, hệ thống lưu trữ, giao kết, xác nhận giao dịch điện tử qua nền tảng VNeID, nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ*” phục vụ mở rộng hạ tầng, hoàn thiện hệ sinh thái phục vụ tạo lập, kết nối, khai thác, bổ sung làm giàu dữ liệu.

- Quyết định số 940/QĐ-TTg ngày 26/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “*Phát triển ứng dụng định danh quốc gia VNeID giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045*” giao Bộ Công an “*Tham mưu Chính phủ trình Quốc hội xem xét, ban hành Luật Định danh và xác thực điện tử trong năm 2026 và các văn bản hướng dẫn thi hành... nhằm xác định rõ phạm vi, giá trị pháp lý, điều kiện sử dụng, các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan và trách nhiệm pháp lý của các chủ thể khi sử dụng VNeID trong các quan hệ hành chính, dân sự, thương mại và các giao dịch điện tử khác.*”.

b) Cơ sở pháp lý

- Điều 21 Hiến pháp năm 2013 được sửa đổi, bổ sung năm 2025 quy định: “*Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình; có quyền bảo vệ danh dự, uy tín của mình. Thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình được Pháp luật bảo đảm an toàn. Mọi người có quyền bí mật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác. Không ai được bóc mở, kiểm soát, thu giữ trái luật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư của người khác*”. Trên không gian mạng, các quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình và an toàn thông tin cá nhân cũng phải được bảo đảm đầy đủ, hiệu quả. Vì vậy, việc ban hành Luật Định danh và xác thực điện tử là cần thiết nhằm cụ thể hóa quy định của Hiến pháp, thiết lập cơ chế định danh, xác thực điện tử an toàn, tin cậy, góp phần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân trên không gian mạng.

- Khoản 17 Điều 3 Luật Căn cước số 26/2023/QH15 được sửa đổi bởi Luật số 118/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 10 Luật có liên quan đến an ninh, trật tự (gọi chung là Luật Căn cước) quy định: “*Căn cước điện tử là căn cước của công dân Việt Nam được thể hiện thông qua tài khoản định danh điện tử do hệ thống định danh và xác thực điện tử tạo lập.*”. Và Điều 31

Luật Căn cước quy định: “*Mỗi công dân Việt Nam được cấp một căn cước điện tử. Căn cước điện tử có giá trị pháp lý tương đương như thẻ căn cước để thực hiện giao dịch, thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công và các hoạt động khác theo nhu cầu của công dân.*”. Theo đó, những quy định này của Luật Căn cước đã xác lập địa vị pháp lý của danh tính điện tử, Luật Định danh và xác thực điện tử đóng vai trò là căn cứ pháp lý quan trọng và cao nhất để vận hành căn cước điện tử.

- Điều 22 Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15 quy định: “*Dịch vụ tin cậy bao gồm: Dịch vụ cấp chứng thư chữ ký số; Dịch vụ xác thực thông điệp dữ liệu; Dịch vụ lưu trữ và xác nhận tính nguyên vẹn của thông điệp dữ liệu.*”.

Khoản 1 Điều 23 quy định: “*Chữ ký số là chữ ký điện tử đáp ứng các điều kiện sau đây: Xác nhận chủ thể ký và khẳng định sự chấp thuận của chủ thể ký đối với thông điệp dữ liệu; Dữ liệu tạo chữ ký số chỉ gắn duy nhất với chủ thể ký trong ngữ cảnh sử dụng; Dữ liệu tạo chữ ký số dưới sự kiểm soát của chủ thể ký tại thời điểm ký.*”

Luật Giao dịch điện tử đã cung cấp phương tiện giúp danh tính điện tử có thể tham gia vào các hợp đồng, giao kết pháp lý, đồng thời, nó cũng là một trong những căn cứ để Luật Định danh và xác thực điện tử dựa vào đây để quy định các cấp độ xác thực phù hợp với từng loại giao dịch, từng loại hình giao tiếp từ đó tạo điều kiện cho kinh tế số vận hành không cần giấy tờ.

- Việc định danh gắn liền với việc khai thác dữ liệu cá nhân, do đó phải dựa trên các quy định về bảo vệ hạ tầng thông tin quốc gia.

Tại khoản 5 Điều 4 Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15 được Quốc hội khóa XV thông qua ngày 10/12/2025 tại kỳ họp thứ 10 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2026 cũng quy định phải triển khai hoạt động bảo vệ an ninh mạng thường xuyên, liên tục đối với cơ sở hạ tầng không gian mạng quốc gia; chủ động áp dụng các biện pháp bảo vệ hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia.

Quy định này là cơ sở để Luật Định danh và xác thực điện tử xây dựng các chế tài xử lý vi phạm, khi một cá nhân giả mạo danh tính của người khác trên môi trường điện tử để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, Luật Định danh và xác thực điện tử sẽ cung cấp cơ chế truy vết và xác minh để xử lý theo Luật An ninh mạng.

- Điểm b khoản 1 Điều 7 Nghị quyết số 66.22/2026/NQ-CP ngày 09/7/2026 của Chính phủ về phát triển công dân số đã xác định VNeID là nền tảng thực hiện định danh, xác thực điện tử, cung cấp miễn phí dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng cho cá nhân phục vụ dịch vụ công và tích hợp các tiện ích số. Quy định là cơ sở để hình thành hệ sinh thái định danh và xác thực thống nhất, trong đó dữ liệu được tập trung, chuẩn hóa và khai thác đồng bộ phục vụ quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công và phát triển kinh tế - xã hội.

- Mặc dù là văn bản dưới Luật, nhưng Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định về định danh và xác thực điện tử (*thay thế Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022*) là cơ sở thực tiễn quan trọng nhất để hình

thành nên Luật Định danh và xác thực điện tử. Đây là lần đầu tiên các thành tố của danh tính điện tử của cá nhân và danh tính điện tử của cơ quan, tổ chức được định nghĩa rõ ràng. Việc nâng lên thành Luật là để đảm bảo tính ổn định lâu dài và thẩm quyền cưỡng chế cao hơn so với một Nghị định của Chính phủ.

2. Cơ sở thực tiễn

Sau hơn 03 năm triển khai Nghị định số 59/2022/NĐ-CP và Nghị định số 69/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử bước đầu đã đạt được những kết quả quan trọng, từng bước hình thành nền tảng nhận diện số cho người dân, phục vụ quá trình chuyển đổi số quốc gia. Tuy nhiên, qua thực tiễn tổ chức triển khai vẫn bộc lộ một số khó khăn, vướng mắc chưa được giải quyết triệt để như: (1) phạm vi điều chỉnh của Nghị định chủ yếu tập trung vào định danh và xác thực điện tử trong nước, trong khi thực tiễn phát sinh nhu cầu sử dụng tài khoản định danh điện tử, ứng dụng VNeID và các dịch vụ, tiện ích số trên môi trường xuyên biên giới. Nghị định chưa có quy định đầy đủ về quản lý, kết nối, chia sẻ và sử dụng dữ liệu định danh điện tử trong các hoạt động xuyên biên giới, dẫn đến khó khăn trong tổ chức thực hiện và hợp tác quốc tế; (2) Thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm trên không gian mạng cho thấy tình trạng sử dụng thông tin giả mạo, mua bán, cho thuê tài khoản ngân hàng, ví điện tử, SIM thuê bao và tài khoản trên các nền tảng số vẫn diễn biến phức tạp. Trong khi đó, Nghị định chưa có quy định về định danh đối với một số nền tảng số, nền tảng mạng xã hội có lượng người dùng lớn, đặc biệt là các nền tảng cung cấp dịch vụ xuyên biên giới, dẫn đến khó khăn trong xác thực danh tính người sử dụng, truy vết, xử lý vi phạm và phòng ngừa tội phạm; (3) Sự phát triển nhanh của công nghệ số, đặc biệt là trí tuệ nhân tạo (AI), đã làm xuất hiện các phương thức giả mạo danh tính bằng công nghệ Deepfake, Deepvoice và các hình thức giả mạo sinh trắc học khác với mức độ ngày càng tinh vi. Trong khi đó, các quy định hiện hành chưa tạo cơ sở pháp lý đầy đủ cho việc áp dụng các biện pháp kỹ thuật, yêu cầu xác thực nâng cao và cơ chế quản lý rủi ro phù hợp đối với các phương thức giả mạo mới này.

Bên cạnh đó, với tính chất là văn bản quy định chi tiết thi hành luật, Nghị định số 69/2024/NĐ-CP chưa tạo cơ sở pháp lý đầy đủ cho việc mở rộng phạm vi, đối tượng và mô hình định danh, xác thực điện tử đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế số, xã hội số và chuyển đổi số quốc gia. Thực tiễn đó đặt ra yêu cầu cấp thiết về việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao hơn, cụ thể như sau:

Thứ nhất, phạm vi đối tượng được định danh điện tử hiện nay chủ yếu tập trung vào cá nhân, cơ quan, tổ chức nhằm phục vụ xây dựng công dân số, Chính phủ số thông qua Hệ thống định danh và xác thực điện tử và Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Tuy nhiên, trong bối cảnh phát triển của kinh tế số và xã hội số, việc quản lý chỉ dừng lại ở định danh chủ thể con người là chưa đủ, mà cần mở rộng theo hướng định danh thống nhất đối với các thực thể tồn tại trong cả môi trường vật lý và môi trường điện tử. Thực tiễn quản lý cho thấy nhiều đối tượng như phương tiện giao thông, tàu thuyền, hàng hóa, chuỗi cung ứng, nguồn gốc

hóa chất, địa điểm, hoạt động, cũng như các thực thể trong môi trường điện tử như địa chỉ IP, ứng dụng, nền tảng số, tài sản số,... đang tham gia trực tiếp vào các giao dịch và quan hệ quản lý trên không gian số.

Do đó, việc xây dựng cơ chế định danh thống nhất đối với các đối tượng này là yêu cầu tất yếu nhằm bảo đảm khả năng truy xuất, xác định trách nhiệm và kết nối dữ liệu giữa các ngành, lĩnh vực.

Thứ hai, thực trạng hệ thống pháp luật hiện nay cho thấy các quy định liên quan đến định danh và xác thực điện tử đang tồn tại phân tán ở nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác nhau, thuộc nhiều lĩnh vực quản lý và nhiều cấp độ pháp lý khác nhau. Sự phân tán này không chỉ làm giảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật mà còn tạo ra những rào cản kỹ thuật trong quá trình triển khai, gây chông chéo, lãng phí nguồn lực và phát sinh khó khăn, phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong việc tiếp cận và thực thi pháp luật. Hiện nay, Bộ Công an đang được giao xây dựng Nghị định quy định về *định danh địa điểm*; Nghị định quy định về hoạt động *định danh, xác thực, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa*; Bộ Xây dựng tham mưu Chính phủ ban hành Nghị định 357/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 về xây dựng và quản lý hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản, trong đó có quy định về *định danh điện tử sản phẩm bất động sản*; Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư 19/2026/TT-BNNMT về quy định kỹ thuật thực hiện lồng ghép nội dung đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai, trong đó có nội dung về *định danh thửa đất*; Bộ Khoa học và Công nghệ hiện đang tham mưu Chính phủ để lấy ý kiến về dự thảo Nghị định hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Chuyển đổi số, trong đó có *định danh nền tảng số và ứng dụng*.

Do vậy, cần thiết phải ban hành các quy định thống nhất về định danh và xác thực điện tử làm cơ sở để pháp luật chuyên ngành áp dụng, triển khai thống nhất, đồng bộ.

Thứ ba, danh tính điện tử của cá nhân, tổ chức hiện nay không còn đơn thuần là một mã số, mà là sự mã hóa của quyền và nghĩa vụ của cá nhân, tổ chức trong không gian số. Mọi giao dịch điện tử, từ dịch vụ công trực tuyến, thương mại điện tử đến các hoạt động tài chính – ngân hàng, đều dựa trên nền tảng xác thực danh tính đáng tin cậy. Trong bối cảnh tội phạm công nghệ cao, gian lận trực tuyến và hành vi giả mạo danh tính ngày càng gia tăng, việc thiết lập một cơ chế định danh và xác thực điện tử thống nhất, tin cậy và có khả năng liên thông giữa các hệ thống là yêu cầu cấp thiết nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người dân, doanh nghiệp và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước.

Theo thống kê của Bộ Công Thương, trong 8 tháng năm 2025, Việt Nam ghi nhận hơn 1.500 vụ lừa đảo trực tuyến, với thiệt hại ước tính 1.660 tỷ đồng, trong khi đó, nhiều ngân hàng, tổ chức tài chính, nhà cung cấp dịch vụ trực tuyến và hãng hàng chưa phối hợp với Bộ Công Thương (Trung tâm Phát triển thương mại điện tử và Công nghệ số) để triển khai các dịch vụ định danh và xác thực điện tử. Bên cạnh đó về định danh hàng hóa, trên thị trường xuất hiện ngày

càng nhiều sản phẩm giả mạo xuất xứ, tem truy xuất giả, mã QR trùng lặp hoặc không liên kết dữ liệu thực và thiếu cơ chế xác thực định danh hàng hóa trong cả chuỗi cung ứng dẫn đến mỗi năm, lực lượng chức năng phát hiện xử lý hàng chục nghìn vụ vi phạm. Trong báo cáo 5 tháng đầu năm 2025 được Ban Chỉ đạo 389 quốc gia công bố, cả nước có hơn 34.000 vụ vi phạm liên quan đến buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả bị lực lượng chức năng phát hiện, xử lý. Trong đó, có hơn 8.200 vụ buôn bán, vận chuyển hàng cấm, hàng lậu; hơn 25.100 vụ gian lận thương mại.

Thứ tư, quá trình phát triển hạ tầng số quốc gia, triển khai các mô hình đô thị thông minh và mở rộng các nền tảng dịch vụ số trong nhiều lĩnh vực như giao thông, tài chính, y tế, giáo dục đang đặt ra yêu cầu cấp thiết phải hình thành khung pháp lý về định danh và xác thực điện tử thống nhất, tin cậy và có khả năng liên thông trên phạm vi toàn quốc. Điển hình, theo Quyết định số 2692/QĐ-TTg ngày 11/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “*Ứng dụng Internet vạn vật (IoT) trong lĩnh vực giao thông thông minh*”, quan điểm chỉ đạo là bảo đảm thống nhất về tiêu chuẩn kỹ thuật (tính tương thích, kết nối, định danh và tương tác giữa các thiết bị, nền tảng, hệ thống IoT), với mục tiêu giai đoạn 2029-2035 chuẩn hóa 100% dữ liệu IoT giao thông, sẵn sàng kết nối, chia sẻ liên thông giữa Bộ Xây dựng, Bộ Công an và các địa phương; tối thiểu 50% tuyến giao thông chính (cao tốc, vành đai) lắp đặt hạ tầng cảm biến IoT phục vụ công tác quản lý, giám sát, bảo trì hạ tầng đường bộ. Đây là minh chứng cho yêu cầu định danh thống nhất đối với hạ tầng, thiết bị trong quản lý nhà nước. Trên thực tế, các hệ thống công nghệ thông tin quy mô lớn như hệ thống camera giám sát, giao thông thông minh, thanh toán số, chữ ký số, hồ sơ điện tử... đều cần dựa trên cơ chế định danh và xác thực điện tử thống nhất để bảo đảm tính xác thực của chủ thể tham gia giao dịch và an toàn của dữ liệu trong môi trường số. Trong khi đó, các văn bản dưới luật hiện hành, mới chủ yếu giải quyết các vấn đề mang tính nền tảng trong giai đoạn đầu triển khai, chưa đủ phạm vi và thẩm quyền để điều chỉnh toàn diện các vấn đề phát sinh trong quá trình phát triển kinh tế số, xã hội số và quản trị quốc gia trên môi trường điện tử.

Bên cạnh đó, trước yêu cầu phát triển mạnh mẽ của khoa học, công nghệ, đặc biệt là trí tuệ nhân tạo (AI), internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn và các nền tảng số, Đảng và Nhà nước đã xác định phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng và nâng cao năng lực quản trị quốc gia. Trong bối cảnh đó, việc tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý về định danh và xác thực điện tử nhằm thiết lập nền tảng nhận diện số thống nhất, an toàn và tin cậy là yêu cầu khách quan của quá trình chuyển đổi số quốc gia.

Thứ năm, thực tiễn hội nhập kinh tế quốc tế đang đặt ra yêu cầu cấp bách phải khẩn trương triển khai định danh và xác thực điện tử đối với hàng hóa, tài sản, nhất là tài sản số, nhằm đáp ứng các yêu cầu ngày càng cao của đối tác quốc tế và tạo điều kiện để doanh nghiệp, hàng hóa Việt Nam tham gia thị trường toàn cầu. Đối với hàng hóa vật lý, Liên minh Châu Âu (EU) đang tiên phong triển khai cơ chế “Hộ chiếu sản phẩm kỹ thuật số” (Digital Product Passport),

theo đó mỗi sản phẩm được cấp một mã định danh điện tử duy nhất để theo dõi, truy xuất dữ liệu trong toàn bộ vòng đời; cơ chế này sẽ trở thành yêu cầu bắt buộc đối với hàng hóa xuất khẩu vào EU theo Quy định (EU) 2024/1781, áp dụng từ năm 2027 đối với pin và mở rộng dần sang các nhóm hàng hóa khác. Nếu không sớm xây dựng cơ chế định danh sản phẩm tương thích, doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam có nguy cơ bị loại khỏi chuỗi cung ứng toàn cầu. Đối với tài sản số, đây là nhóm vấn đề cấp bách khi Việt Nam đang triển khai thí điểm thị trường tài sản mã hóa; việc áp dụng các chuẩn quốc tế (ISO 24165 DTI, GLEIF LEI, FATF Travel Rule) là cần thiết để hệ thống định danh tài sản số của Việt Nam có khả năng liên thông với hệ thống quốc tế, vừa tạo điều kiện cho doanh nghiệp tham gia thị trường toàn cầu, vừa bảo đảm kiểm soát rủi ro và bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư trong nước.

Thứ sáu, kinh nghiệm quốc tế cho thấy xu hướng lập pháp toàn cầu đang chuyển dịch mạnh mẽ sang mô hình “định danh vạn vật” nhằm kiểm soát rủi ro và bảo đảm tính ổn định, hợp pháp của các giao dịch số. Qua nghiên cứu, rà soát khung pháp lý của một số quốc gia, tổ chức quốc tế cho thấy hệ thống định danh và xác thực điện tử đang được mở rộng vượt ra khỏi khuôn khổ nhận diện cá nhân thuần túy sang nhiều loại đối tượng và hoạt động: tại Estonia, hệ thống định danh được triển khai theo hướng “đa chủ thể”, không chỉ áp dụng cho công dân mà còn cho người nước ngoài, thừa nhận giá trị pháp lý của tài liệu số và chứng thư định danh điện tử; tại Hàn Quốc, pháp luật yêu cầu định danh không chỉ với chủ thể tham gia mà còn bắt buộc đối với dòng tài sản trong giao dịch, đặc biệt là tiền điện tử và tài sản số, nhằm bảo đảm truy vết nguồn gốc và kiểm soát rủi ro tài chính; tại Liên minh Châu Âu, bên cạnh “Hộ chiếu sản phẩm kỹ thuật số” còn bổ sung các dịch vụ tin cậy mới (Sổ cái điện tử, Chứng thực thuộc tính điện tử) và triển khai mô hình Ví định danh số (EUDI Wallet) cho phép xác thực đa mục đích; tại Singapore, pháp luật tiếp cận theo hướng quản lý toàn bộ vòng đời dữ liệu phát sinh từ giao dịch và phát triển định danh số quốc gia (Singpass) làm cổng truy cập duy nhất cho cả khu vực công và khu vực tư. Đối với xác thực điện tử, xu hướng phát triển không chỉ dừng lại ở xác minh danh tính mà mở rộng sang xác thực toàn diện quá trình giao dịch, bao gồm hành vi, thời điểm, nội dung và kết quả thực hiện. Từ đó cho thấy việc dự thảo Luật mở rộng đối tượng và phạm vi định danh, xác thực điện tử là phù hợp với xu hướng quốc tế, có cơ sở thực tiễn và pháp lý vững chắc; việc tiếp tục giới hạn trong phạm vi định danh cá nhân và tổ chức sẽ không đáp ứng yêu cầu quản lý đối với các mô hình kinh tế số mới, làm gia tăng rủi ro và hạn chế khả năng hội nhập, công nhận lẫn nhau với các hệ thống dịch vụ tin cậy quốc tế.

Ngoài ra, trên cơ sở nghiên cứu pháp luật quốc tế, có thể thấy rằng, có một số kinh nghiệm của quốc tế có thể tham khảo cho Việt Nam khi xây dựng Luật Định danh và xác thực điện tử, cụ thể:

(1) Nghiên cứu xây dựng cơ chế định danh sản phẩm tương thích để doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam không bị loại khỏi chuỗi cung ứng của Liên minh Châu Âu do Hộ chiếu sản phẩm kỹ thuật số (Digital Product Passport) theo quy định (Liên minh Châu Âu) 2024/1781 sẽ trở thành yêu cầu bắt buộc đối với

hàng hóa xuất khẩu vào Liên minh Châu Âu từ năm 2027 đối với pin và mở rộng dân; đồng thời, nghiên cứu tham khảo TradeTrust của Singapore cho định danh chứng từ thương mại.

Nghiên cứu đối với định danh tài sản số, đây là nhóm vấn đề cấp bách nhất đối với Việt Nam khi đang triển khai thí điểm thị trường tài sản mã hóa và mô hình MiCA (EU) cung cấp khung pháp lý toàn diện. Việt Nam cần áp dụng các chuẩn quốc tế (ISO 24165 DTI, GLEIF LEI, FATF Travel Rule) để hệ thống định danh tài sản số có khả năng liên thông với hệ thống quốc tế, tạo điều kiện cho doanh nghiệp Việt Nam tham gia thị trường toàn cầu. Ngoài ra, để đảm bảo quyền lợi của người dùng Việt Nam, cần nghiên cứu Đạo luật Bảo vệ người dùng tài sản ảo của Hàn Quốc, đạo luật cung cấp cách tiếp cận thực tế bảo vệ nhà đầu tư.

(2) Nghiên cứu mô hình phân loại 03 cấp độ xác thực thấp/trung bình/cao của eIDAS của Liên minh Châu Âu phù hợp với nguyên tắc tương xứng rủi ro, theo đó, không thực hiện xác thực đồng đều trên một cấp độ cho mọi loại giao dịch từ đó có thể gây phiền hà cho giao dịch giá trị thấp và không đủ an toàn cho giao dịch giá trị cao, quan trọng.

(3) Nghiên cứu, tham khảo mô hình Singpass (Singapore) - định danh số quốc gia là cổng truy cập duy nhất cho cả khu vực công và khu vực tư, qua đó tối ưu hóa trải nghiệm người dùng và giảm chi phí xác thực cho doanh nghiệp; nghiên cứu, áp dụng kiến trúc mô hình EUDI Wallet của Liên minh Châu Âu tương tự cho ứng dụng định danh quốc gia (VNeID), hỗ trợ lưu trữ chứng thư điện tử xác nhận thông tin (giấy phép lái xe, bằng cấp, hồ sơ y tế); nghiên cứu quy định về khung dịch vụ tin cậy đủ điều kiện theo eIDAS của Liên minh Châu Âu (trong đó cần làm rõ cấp phép, giám sát đối với 03 nhóm dịch vụ tin cậy hiện có theo Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15) và việc bổ sung 03 nhóm dịch vụ mới của eIDAS 2.0 (Sổ cái điện tử, Chứng thư điện tử xác nhận thông tin đủ điều kiện, Lưu trữ điện tử đủ điều kiện) để đáp ứng nhu cầu kinh tế số.

(4) Nghiên cứu tham khảo mô hình X-Road của Estonia theo kiến trúc liên thông phi tập trung, không tập trung dữ liệu, mỗi cơ quan tự quản lý cơ sở dữ liệu của mình nhưng kết nối qua chuẩn chung. Mô hình này có thể nghiên cứu áp dụng trong việc mở rộng mô hình triển khai định danh và xác thực điện tử.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH

1. Mục đích

- Thiết lập khuôn khổ pháp lý đầy đủ, thống nhất và có hiệu lực pháp lý cao về định danh và xác thực điện tử, làm cơ sở cho việc tạo lập, quản lý, sử dụng danh tính điện tử trong các hoạt động quản lý nhà nước, giao dịch điện tử và phát triển kinh tế số, xã hội số.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về định danh và xác thực điện tử, bảo đảm an ninh, an toàn thông tin, bảo vệ chủ quyền số quốc gia.

- Tạo cơ sở pháp lý cho việc định danh thống nhất các thực thể trong môi trường vật lý và môi trường điện tử, qua đó làm nền tảng cho kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin.

- Hoàn thiện cơ chế quản lý tập trung, thống nhất hệ thống định danh và xác thực điện tử quốc gia, thúc đẩy cung cấp dịch vụ xác thực tin cậy cho các giao dịch điện tử, bảo đảm minh bạch, an toàn và phù hợp thông lệ quốc tế.

2. Quan điểm xây dựng chính sách

- Thể chế hóa đầy đủ chủ trương, đường lối của Đảng về xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số. Tập trung rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định là nguyên nhân của những vướng mắc, bất cập lớn, cơ bản, mang tính phổ quát, là điểm nghẽn cần phải tháo gỡ trong thực tiễn triển khai định danh và xác thực điện tử thời gian qua.

- Bảo đảm rà soát tất cả các Luật, Nghị quyết của Quốc hội về quy định nhiệm vụ quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực định danh và xác thực điện tử; đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với các luật, nghị quyết có liên quan; tính khả thi của các chính sách của Luật trong điều kiện kinh tế - xã hội Việt Nam hiện nay; khảo sát, nghiên cứu học hỏi có chọn lọc các kinh nghiệm phù hợp của pháp luật nước ngoài về định danh và xác thực điện tử.

- Bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo tập trung, thống nhất, chặt chẽ, toàn diện của Đảng trong quá trình xây dựng Luật; tiếp tục thực hiện chủ trương *“luật chỉ quy định các vấn đề mang tính ổn định, có giá trị lâu dài; quy định cụ thể các nội dung liên quan đến quyền con người, quyền, nghĩa vụ của công dân”*, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền theo nguyên tắc trung ương thống nhất quản trị dữ liệu định danh gốc và hạ tầng cốt lõi, các bộ, ngành quản lý theo lĩnh vực chuyên môn, chính quyền địa phương tổ chức thực thi và hỗ trợ người dân, doanh nghiệp; tăng cường hiệu quả công tác quản lý về định danh và xác thực điện tử.

- Lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, là chủ thể, mục tiêu và động lực phục vụ; bảo đảm mọi người dân được tiếp cận thuận lợi, bình đẳng, an toàn các dịch vụ định danh và xác thực điện tử. Quán triệt tinh thần kiến tạo phát triển theo Nghị quyết số 57-NQ/TW và Nghị quyết số 66-NQ/TW, Luật hướng tới giải phóng nguồn lực xã hội, cắt giảm chi phí giao dịch, chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp, tạo không gian linh hoạt cho đổi mới sáng tạo và phát triển kinh tế số, xã hội số.

III. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA CHÍNH SÁCH

1. Phạm vi của chính sách

Luật này quy định về hoạt động định danh và xác thực điện tử, bao gồm: đối tượng và mô hình định danh điện tử; danh tính điện tử; xác thực điện tử; dữ liệu định danh điện tử; hệ thống và nền tảng định danh và xác thực điện tử quốc gia; dịch vụ định danh và xác thực điện tử; quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân; quản lý nhà nước.

2. Đối tượng áp dụng

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam.
- Tổ chức, cá nhân nước ngoài cư trú, hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài trực tiếp tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động định danh và xác thực điện tử tại Việt Nam.

3. Đối tượng chịu tác động trực tiếp và nhóm đối tượng chịu trách nhiệm thực hiện

Thực hiện khoản 2 Điều 28 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách bao gồm: (1) Cá nhân được cấp, quản lý và sử dụng danh tính điện tử, tài khoản định danh điện tử và các dịch vụ định danh, xác thực điện tử; (2) Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ định danh, xác thực điện tử; cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ định danh, xác thực điện tử trong hoạt động cung cấp sản phẩm, dịch vụ và thực hiện giao dịch trên môi trường điện tử; (3) Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội khai thác, sử dụng dữ liệu định danh và xác thực điện tử phục vụ hoạt động quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công và thực hiện nhiệm vụ được giao.

Nhóm đối tượng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện chính sách bao gồm: (1) Chính phủ, (2) Bộ Công an với vai trò cơ quan chủ trì giúp Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về định danh và xác thực điện tử, quản lý, vận hành hệ thống định danh và xác thực điện tử quốc gia; (3) Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao; (4) Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có liên quan trong phạm vi trách nhiệm được pháp luật quy định.

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH

1. Bộ Công an đã tổ chức rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng có liên quan đến định danh và xác thực điện tử, nhất là các chủ trương, đường lối mới của Đảng trong các nghị quyết quan trọng về xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật, đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

2. Bộ Công an đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan, bộ, ngành, địa phương tổ chức tổng kết thi hành văn bản quy phạm pháp luật về định danh và xác thực điện tử. Nội dung tổng kết tập trung vào công tác chỉ đạo, triển khai và tổ chức thi hành Luật Căn cước, Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định về định danh và xác thực điện tử và những pháp luật khác quy định về định danh và xác thực điện tử; kết quả đạt được; những hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong quy định của pháp luật định danh và xác thực điện tử và trong thực tiễn tổ chức thi hành; đề xuất, kiến nghị giải pháp hoàn thiện pháp luật và tổ chức thi hành.

3. Bộ Công an đã tổ chức Hội nghị tham vấn chính sách của Luật Định danh và xác thực điện tử vào ngày 11/6/2026; lấy ý kiến bằng văn bản của các cơ quan, tổ chức, bộ, ngành, địa phương; nghiên cứu tiếp thu, giải trình các ý kiến tham vấn và góp ý.

4. Bộ Tư pháp đã có Báo cáo số 481/BCTĐ-BTP ngày 10/7/2026 thẩm định hồ sơ chính sách của Luật Định danh và xác thực điện tử. Trên cơ sở ý kiến thẩm định, Bộ Công an đã có Công văn số 3749/BCA-QLHC ngày 21/7/2026

gửi Bộ Tư pháp cho ý kiến về nội dung tiếp thu, chỉnh lý và hoàn thiện hồ sơ chính sách của Luật Định danh và xác thực điện tử.

5. Bộ Tư pháp đã có Công văn số 5690/BTP-PLHSHC&QLXLVPHC ngày 26/7/2026 cơ bản nhất trí đối với việc tiếp thu, giải trình ý kiến Hội đồng thẩm định của Bộ Công an về hồ sơ Chính sách Luật Định danh và xác thực điện tử và đề nghị Cơ quan soạn thảo gửi Văn phòng Chính phủ để tiếp tục thực hiện các trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 191/2026/NĐ-CP ngày 29/5/2026 của Chính phủ về Quy chế làm việc của Chính phủ.

V. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CỦA CHÍNH SÁCH

1. Chính sách 1: Thiết lập cơ chế cấp mã định danh và xác thực điện tử thống nhất, duy nhất cho chủ thể, đối tượng, không gian, dữ liệu và quá trình giao dịch trong quản lý nhà nước, kinh tế - xã hội số

a) Mục tiêu của chính sách

Quy định phạm vi, đối tượng định danh và xác thực điện tử theo hướng đồng bộ, thống nhất, bảo đảm mỗi đối tượng được cấp một mã định danh duy nhất để xác định danh tính điện tử, xác thực điện tử trong quản lý nhà nước và hoạt động kinh tế – xã hội; không chỉ bao gồm cá nhân, cơ quan, tổ chức mà còn mở rộng đối với các đối tượng có liên quan như địa điểm, vị trí, không gian, đối tượng tồn tại dưới dạng vật chất, phi vật chất, *các hoạt động, sự kiện, giao dịch, hành vi*. Qua đó thiết lập cơ sở pháp lý cho việc hình thành cơ sở dữ liệu quốc gia về định danh và xác thực điện tử thống nhất, bảo đảm khả năng kết nối, liên thông và chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, tăng cường tính minh bạch, khả năng xác thực và truy xuất thông tin, đồng thời đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế số, xã hội số và chuyển đổi số quốc gia trong từng giai đoạn.

b) Các nội dung của chính sách

Quy định phạm vi, đối tượng được định danh và xác thực điện tử một cách toàn diện, bao quát toàn bộ các đối tượng trong quản lý nhà nước và hoạt động kinh tế - xã hội, bảo đảm mỗi đối tượng được cấp một mã định danh duy nhất, bao gồm:

- Định danh và xác thực điện tử đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân.
- Định danh và xác thực điện tử đối với đối tượng tồn tại dưới dạng vật chất.
- Định danh và xác thực điện tử các đối tượng tồn tại dưới dạng phi vật chất.
- Định danh và xác thực điện tử đối với địa điểm, vị trí, không gian.
- Định danh và xác thực điện tử đối với các hoạt động, sự kiện, giao dịch, hành vi.

c) Các giải pháp thực hiện chính sách

- Giải pháp 1: Quy định về phạm vi, đối tượng được định danh và xác thực điện tử, bao gồm: cơ quan, tổ chức, cá nhân; đối tượng tồn tại dưới dạng vật chất; địa điểm, không gian.

- Giải pháp 2: Quy định về định danh và xác thực điện tử đối với các đối tượng tại giải pháp 1, đồng thời bổ sung định danh và xác thực điện tử đối với các hoạt động, sự kiện, giao dịch, hành vi.

- Giải pháp 3: Quy định phạm vi, đối tượng được định danh và xác thực điện tử một cách toàn diện, bao quát toàn bộ các đối tượng trong quản lý nhà nước và hoạt động kinh tế - xã hội, bảo đảm mỗi đối tượng được cấp một mã định danh duy nhất, bao gồm: (1) Định danh và xác thực điện tử đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân; (2) Định danh và xác thực điện tử đối với đối tượng tồn tại dưới dạng vật chất; (3) Định danh và xác thực điện tử các đối tượng tồn tại dưới dạng phi vật chất; (4) Định danh và xác thực điện tử đối với địa điểm, không gian; (5) Định danh và xác thực điện tử đối với các hoạt động, sự kiện, giao dịch, hành vi.

d) Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn:

Đề xuất lựa chọn giải pháp 3 là quy định định danh và xác thực điện tử đối với các đối tượng tại giải pháp 2 và định danh, xác thực điện tử đối với các đối tượng tồn tại dưới dạng phi vật chất. Lý do:

- Bảo đảm đạt mục tiêu của chính sách khi thiết lập khuôn khổ định danh và xác thực điện tử hoàn thiện và toàn diện, bao quát đầy đủ các yếu tố trong hoạt động quản lý nhà nước và hoạt động kinh tế – xã hội, qua đó khắc phục khoảng trống, hạn chế của các giải pháp trước. Tạo nền tảng pháp lý đồng bộ, thống nhất, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; đồng thời bảo đảm thực thi các quyền về tài sản, quyền tự do kinh doanh và các quyền dân sự trong môi trường số. Tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế số, nâng cao tính minh bạch của giao dịch, tăng cường khả năng quản lý, truy vết, phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng. Góp phần đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, giảm chi phí tuân thủ và tiết kiệm nguồn lực xã hội.

- Bảo đảm sự phân định ranh giới rõ ràng với phạm vi điều chỉnh của Luật Giao dịch điện tử, Luật Dữ liệu và Luật An ninh mạng. Nguyên tắc mã định danh duy nhất được áp dụng thống nhất phục vụ quản lý nhà nước, nhưng hoàn toàn không hạn chế quyền tự do lựa chọn tài khoản giao dịch điện tử của tổ chức, cá nhân trong các quan hệ dân sự, thương mại.

- Đối với định hướng mở rộng định danh sang đối tượng phi vật chất và tài sản số, chính sách thiết kế theo hướng giao Chính phủ quy định chi tiết về đối tượng, tiêu chí và lộ trình triển khai nhằm bảo đảm tính khả thi. Mọi sự mở rộng phạm vi đều được đặt dưới cơ sở bảo vệ quyền riêng tư và dữ liệu cá nhân, áp dụng nguyên tắc giới hạn mục đích sử dụng, kiểm soát quyền lực trong khai thác hệ thống và đáp ứng các tiêu chuẩn an ninh, an toàn cùng cơ chế ứng phó sự cố ở mức cao nhất. - Quá trình thực thi sẽ thiết kế lộ trình áp dụng linh hoạt, đi kèm với các biện pháp hỗ trợ kỹ thuật cụ thể cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (SME), cũng như các nhóm đối tượng yếu thế như người dân ở vùng sâu, vùng xa, người cao tuổi và người bị hạn chế khả năng tiếp cận công nghệ

Về phương thức thực hiện, dự thảo Luật xác định việc tham gia định danh điện tử là tự nguyện, trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành quy định bắt buộc;

đối tượng bắt buộc thực hiện định danh điện tử là những đối tượng được Nhà nước quy định bắt buộc phải định danh (đối tượng phục vụ quản lý nhà nước, quốc phòng, an ninh; đối tượng phải đăng ký, chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng; sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro cao theo pháp luật chuyên ngành); các đối tượng còn lại thực hiện định danh theo nhu cầu, trên nguyên tắc khuyến khích, tự nguyện. Chính phủ quy định chi tiết danh mục đối tượng định danh bắt buộc, tiêu chí phân loại và lộ trình thực hiện. Ví dụ, đối với sản phẩm, hàng hóa, việc truy xuất nguồn gốc là bắt buộc đối với hàng hóa có rủi ro cao và được thực hiện thông qua mã số, mã vạch, mã HS đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Việc xác định nhóm đối tượng bắt buộc xuất phát từ yêu cầu xây dựng các mô hình quản lý và dịch vụ thông minh, vốn đòi hỏi một hành lang định danh thống nhất, đồng bộ trên phạm vi toàn quốc (tương ứng với yêu cầu về định danh hạ tầng, thiết bị trong phát triển giao thông thông minh, đô thị thông minh nêu tại phần cơ sở thực tiễn). Nhiều đối tượng trong các lĩnh vực trọng yếu hiện đã được định danh theo pháp luật chuyên ngành và cần được kết nối, chuẩn hóa trong khuôn khổ thống nhất để phát triển các mô hình số: trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng là tài khoản ngân hàng, ví điện tử, chứng khoán, sản phẩm bảo hiểm; trong lĩnh vực giao thông là ô tô, tàu biển, tàu bay, thiết bị bay không người lái; trong lĩnh vực y tế là thuốc, vaccine, sinh phẩm, trang thiết bị y tế; trong lĩnh vực giáo dục là cơ sở giáo dục, chương trình đào tạo, văn bằng, chứng chỉ. Đối với các nhóm này, định danh điện tử là bắt buộc nhằm phục vụ quản lý nhà nước, kiểm soát rủi ro và phát triển hạ tầng số quốc gia. Ngược lại, đối với các đối tượng có giá trị thấp, mức độ rủi ro thấp, không thuộc nhóm bắt buộc nêu trên và không phục vụ trực tiếp cho phát triển hạ tầng số quốc gia, việc định danh điện tử được thực hiện theo nhu cầu, trên nguyên tắc tự nguyện. Ví dụ, trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng là tài khoản tích điểm khách hàng, ứng dụng quản lý chi tiêu cá nhân; trong lĩnh vực giao thông là xe đạp, xe đạp điện, phương tiện cá nhân thô sơ; trong lĩnh vực y tế là thiết bị đeo theo dõi sức khỏe cá nhân, dụng cụ y tế gia dụng thông thường; trong lĩnh vực giáo dục là khóa học kỹ năng ngắn hạn phi chính quy, học liệu và tài liệu cá nhân.

- Về cơ chế cấp mã và liên kết với các mã, số chuyên ngành: đối với các đối tượng đã được định danh, cấp mã theo pháp luật chuyên ngành, Nhà nước vẫn cấp mã định danh theo quy định của Luật này; các mã, số chuyên ngành hiện hành (mã số thuế, mã số doanh nghiệp, mã số, mã vạch, biển số phương tiện, số đăng ký lưu hành...) được liên kết với mã định danh, không bị thay thế, không phải cấp lại. Cấu trúc mã định danh quốc gia do Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ quy định chi tiết, bảo đảm phù hợp với đặc thù từng lĩnh vực, kế thừa các hệ thống mã đang vận hành ổn định, không làm phát sinh chi phí chuyển đổi và thủ tục hành chính mới cho người dân, doanh nghiệp.

- Chi phí đầu tư ban đầu và duy trì vận hành hạ tầng Cơ sở dữ liệu quốc gia từ Ngân sách nhà nước sẽ được bù đắp bền vững thông qua cơ chế thu phí đối với các tổ chức kinh tế khai thác dịch vụ vì mục đích thương mại. Ngược lại, để giảm gánh nặng tài chính cho người dân, chính sách áp dụng triệt để nguyên

tắc miễn phí đối với các dịch vụ công thiết yếu và dịch vụ an sinh xã hội, khai thác hạ tầng dùng chung, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính.

- Xét tổng thể, các tác động tích cực của giải pháp vượt trội so với các tác động tiêu cực và các rủi ro phát sinh có thể kiểm soát được thông qua lộ trình và giải pháp triển khai phù hợp.

2. Chính sách 2: Xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về định danh và xác thực điện tử, gắn với phát triển ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) để khai thác, chia sẻ dữ liệu và cung cấp dịch vụ số thống nhất

a) Mục tiêu của chính sách

Quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về định danh và xác thực điện tử là nơi lưu trữ, khai thác, chia sẻ dữ liệu định danh và xác thực điện tử tập trung, thống nhất, do nhà nước quản lý tránh trường hợp manh mún dữ liệu; thống nhất việc quản lý danh tính điện tử, xác thực chính xác công dân/tổ chức khi giao dịch trên môi trường số, kết nối chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan, giảm thủ tục giấy tờ và thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia; phát triển tiện ích trên Ứng dụng định danh quốc gia phục vụ người dân với các nhóm chức năng cốt lõi trong đó cung cấp dịch vụ công, cung cấp chữ ký số công cộng và phương thức xác thực phục vụ dịch vụ công và chuyển đổi số, thiết lập giao tiếp số giữa Nhà nước và công dân.

Đối với chức năng cấp chữ ký số và phương thức xác thực khác trên Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID), chính sách xác định rõ cơ chế cung cấp và sự phối hợp quản lý nhà nước giữa các cơ quan: việc cung cấp dịch vụ chữ ký số được thực hiện thống nhất với pháp luật về giao dịch điện tử và bảo đảm phân định rõ giữa chữ ký số công cộng và chữ ký số chuyên dùng công vụ, trên cơ sở phối hợp giữa Bộ Công an với Bộ Khoa học và Công nghệ và các cơ quan có liên quan, tránh chồng chéo về chức năng quản lý. Chữ ký số cung cấp trên Ứng dụng định danh quốc gia là chữ ký số công cộng theo pháp luật về giao dịch điện tử, do tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng cấp và được tích hợp, sử dụng trên Ứng dụng; không hình thành loại chữ ký số mới, không thay thế hệ thống chứng thực chữ ký số công cộng và chữ ký số chuyên dùng công vụ hiện có.

Cơ sở dữ liệu quốc gia về định danh và xác thực điện tử được thiết kế theo nguyên tắc tối thiểu hóa dữ liệu ở cấp nền tảng: nền tảng chỉ lưu trữ, đồng bộ dữ liệu định danh, xác thực cần thiết cho mục đích định danh và xác thực; dữ liệu nghiệp vụ chuyên ngành giữ nguyên giá trị gốc (dữ liệu chủ) tại các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, nền tảng chỉ sử dụng, tham chiếu mà không thay thế hoặc ghi đè, bảo đảm không chồng lấn chức năng quản lý dữ liệu của các bộ, ngành. Việc thu thập, khai thác dữ liệu định danh và xác thực điện tử tuân thủ nguyên tắc giới hạn mục đích, có cơ chế kiểm soát truy cập, bảo đảm trách nhiệm giải trình và bảo vệ đời sống riêng tư, bí mật cá nhân theo Điều 21 Hiến pháp năm 2013 và pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

b) Các nội dung của chính sách

Quy định về Cơ sở dữ liệu quốc gia về định danh và xác thực điện tử trên cơ sở đồng bộ toàn bộ dữ liệu định danh điện tử và dữ liệu xác thực điện tử về

Cơ sở dữ liệu quốc gia về định danh và xác thực điện tử. Bao gồm các nội dung về: (1) Cập nhật, đồng bộ, lưu trữ toàn bộ các thông tin, dữ liệu về định danh và xác thực điện tử tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về định danh và xác thực điện tử, tạo lập kho dữ liệu dùng chung về định danh và xác thực để thống kê, phân tích, tổng hợp phục vụ công tác quản lý nhà nước, các hoạt động giao dịch và phát triển kinh tế - xã hội; (2) Hoạt động xử lý, quản trị, chia sẻ dữ liệu liên quan đến Cơ sở dữ liệu quốc gia về định danh và xác thực điện tử. (3) Trách nhiệm cung cấp thông tin, dữ liệu của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, cá nhân, tổ chức khác; (4) Mối quan hệ giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về định danh và xác thực điện tử với cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, Cổng dịch vụ công quốc gia và cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin khác; (5) Phí, giá khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về định danh và xác thực điện tử.

Quy định về phát triển Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) tập trung vào 05 nhóm chức năng cốt lõi: (1) Truy cập và quản lý dữ liệu của các cơ quan, tổ chức, cá nhân; (2) Tích hợp cấp, sử dụng chữ ký số công cộng và phương thức xác thực khác phục vụ dịch vụ công, chuyển đổi số; (3) Cung cấp dịch vụ công; (4) Tích hợp nền tảng thanh toán quốc gia phục vụ an sinh xã hội; (5) Thiết lập kênh giao tiếp số Nhà nước và công dân.

c) Các giải pháp thực hiện chính sách

- Giải pháp 1: Xây dựng các cơ sở dữ liệu chuyên ngành để quản lý

- Giải pháp 2: Xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về định danh và xác thực điện tử. Quy định về Cơ sở dữ liệu quốc gia về định danh và xác thực điện tử (trên cơ sở đồng bộ toàn bộ dữ liệu định danh điện tử và dữ liệu xác thực điện tử về Cơ sở dữ liệu quốc gia về định danh và xác thực điện tử). Bao gồm các nội dung về:

(1) Cập nhật, đồng bộ, lưu trữ toàn bộ các thông tin, dữ liệu về định danh và xác thực điện tử tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về định danh và xác thực điện tử, tạo lập kho dữ liệu dùng chung về định danh và xác thực để thống kê, phân tích, tổng hợp phục vụ công tác quản lý nhà nước, các hoạt động giao dịch và phát triển kinh tế - xã hội;

(2) Hoạt động xử lý, quản trị, chia sẻ dữ liệu liên quan đến Cơ sở dữ liệu quốc gia về định danh và xác thực điện tử.

(3) Trách nhiệm cung cấp thông tin, dữ liệu của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, cá nhân, tổ chức khác;

(4) Mối quan hệ giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về định danh và xác thực điện tử với cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cổng dịch vụ công quốc gia và cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin khác;

(5) Phí, giá khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về định danh và xác thực điện tử.

- Giải pháp 3: Xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về định danh và xác thực điện tử và phát triển ứng dụng định danh quốc gia VNeID

Quy định về Cơ sở dữ liệu quốc gia về định danh và xác thực điện tử như giải pháp 2; đồng thời bổ sung quy định về phát triển Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) tập trung vào 05 nhóm chức năng cốt lõi:

- (1) Truy cập và quản lý dữ liệu của các cơ quan, tổ chức, cá nhân;
 - (2) Tích hợp cấp, sử dụng chữ ký số công cộng và phương thức xác thực khác phục vụ dịch vụ công, chuyển đổi số;
 - (3) Cung cấp dịch vụ công;
 - (4) Tích hợp nền tảng thanh toán quốc gia phục vụ an sinh xã hội;
 - (5) Thiết lập kênh giao tiếp số Nhà nước và công dân.
- d) Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn:*

Đề xuất lựa chọn giải pháp 3 là xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về định danh và xác thực điện tử và phát triển ứng dụng định danh quốc gia VNeID. Lý do: Giải pháp này hình thành một hệ sinh thái định danh và xác thực thống nhất, trong đó dữ liệu được tập trung, chuẩn hóa và khai thác đồng bộ phục vụ quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công và phát triển kinh tế - xã hội. Việc gắn kết giữa cơ sở dữ liệu và Ứng dụng định danh quốc gia VNeID giúp khắc phục tình trạng phân tán ứng dụng, giảm trùng lặp đầu tư, tiết kiệm nguồn lực và nâng cao hiệu quả khai thác dữ liệu quốc gia. Đồng thời, mô hình này bảo đảm tính thống nhất trong triển khai trên phạm vi toàn quốc, tạo điều kiện áp dụng đồng bộ các quy định pháp luật mới về định danh, xác thực điện tử và dịch vụ công trực tuyến. Việc tích hợp các chức năng như chữ ký số, thanh toán an sinh xã hội, cung cấp dịch vụ công và kênh giao tiếp số giúp mở rộng khả năng tiếp cận dịch vụ công, nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp theo hướng thuận tiện, minh bạch và hiệu quả. Phạm vi tích hợp thanh toán trên Ứng dụng định danh quốc gia được giới hạn ở dịch vụ công, chi trả an sinh xã hội từ ngân sách nhà nước và các giao dịch hợp pháp khác theo quy định của pháp luật; không hình thành cơ chế thanh toán độc lập, không thay thế hạ tầng thanh toán của hệ thống ngân hàng và các tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.

Bên cạnh đó, việc xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về định danh và xác thực điện tử đã áp dụng triệt để nguyên tắc tối thiểu hóa dữ liệu. Hệ thống chỉ thu thập, đồng bộ các trường thông tin cốt lõi phục vụ định danh; ưu tiên sử dụng dữ liệu tại nguồn và không sao chép toàn bộ dữ liệu nghiệp vụ chuyên ngành. Hoạt động khai thác dữ liệu được đặt dưới cơ chế kiểm soát quyền truy cập chặt chẽ, giới hạn mục đích sử dụng, không xâm phạm đời sống riêng tư. Quá trình này được đặt dưới sự quản lý nhà nước thống nhất, với vai trò Bộ Công an là đầu mối điều phối và giám sát liên ngành.

3. Chính sách 3: Phát triển dịch vụ định danh, xác thực điện tử theo mô hình Nhà nước thiết lập nền tảng, điều phối liên thông, tổ chức, doanh nghiệp tham gia cung cấp dịch vụ và công nhận hợp tác quốc tế

a) Mục tiêu của chính sách

Tạo hành lang pháp lý thống nhất và đồng bộ về cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử. Phát huy vai trò chủ đạo của Nhà nước trong quản lý thống nhất dữ liệu định danh điện tử, nhất là dữ liệu về tổ chức, cá nhân, dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng, dữ liệu liên quan đến an ninh quốc gia, quốc phòng, bí mật Nhà nước. Đồng thời huy động hiệu quả nguồn lực xã hội, năng lực công nghệ, kinh nghiệm vận hành và khả năng đổi mới sáng tạo của khu vực doanh nghiệp trong cung cấp dịch vụ định danh, xác thực điện tử cho người dân và doanh nghiệp. Đồng thời, quy định về liên thông, hợp tác quốc tế, công nhận lẫn nhau về định danh và xác thực điện tử tạo hành lang pháp lý thống nhất về hợp tác quốc tế trong lĩnh vực định danh và xác thực điện tử, từ đó, tạo thuận lợi cho việc tham gia các điều ước quốc tế về lĩnh vực này.

b) Các nội dung của chính sách

Nhà nước đóng vai trò thiết lập nền tảng chung, dẫn dắt, điều phối, liên thông, khai thác, ứng dụng dữ liệu về định danh điện tử giữa các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ; Các tổ chức, doanh nghiệp thực hiện một phần hoặc toàn bộ hoạt động định danh điện tử; xây dựng cơ chế liên thông, hợp tác quốc tế trong lĩnh vực định danh và xác thực điện tử

(1) Bổ sung quy định về dịch vụ định danh điện tử, theo hướng Nhà nước thống nhất quản lý và tổ chức cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử trên toàn quốc.

(2) Trong đó nhà nước thực hiện việc định danh và xác thực điện tử đối với: Đối tượng là cơ quan, tổ chức, cá nhân; Đối tượng là địa điểm, không gian; Đối tượng thuộc danh mục dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng theo quy định pháp luật về dữ liệu; Đối tượng thuộc phạm vi bí mật Nhà nước theo quy định pháp luật về bí mật Nhà nước; Đối tượng theo quy định pháp luật chuyên ngành yêu cầu phải thực hiện hoạt động định danh điện tử theo mô hình tập trung.

Tổ chức, doanh nghiệp đủ điều kiện cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử theo quy định của pháp luật được cung cấp dịch vụ đối với các đối tượng không thuộc phạm vi nhà nước thực hiện định danh.

(3) Mô hình xác thực điện tử bao gồm: Mô hình xác thực tập trung, mô hình xác thực trung gian và mô hình xác thực tự chủ

(4) Quy định về cơ chế liên thông, hợp tác quốc tế và công nhận lẫn nhau trong lĩnh vực định danh và xác thực điện tử.

c) Các giải pháp thực hiện chính sách

- Giải pháp 1: Giữ nguyên hiện trạng pháp lý về dịch vụ định danh, xác thực điện tử

- Giải pháp 2: Quy định về dịch vụ định danh, xác thực điện tử theo mô hình tập trung, chưa liên thông quốc tế

Bổ sung quy định về dịch vụ định danh điện tử, theo hướng Nhà nước thống nhất quản lý và tổ chức cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử trên toàn quốc. Hệ thống được thiết kế theo mô hình tập trung, thống nhất trong phạm vi quốc gia, bảo đảm quản lý tập trung dữ liệu và hoạt động xác thực.

Đồng thời, chưa thiết lập cơ chế liên thông, công nhận danh tính điện tử của tổ chức, cá nhân nước ngoài; chưa quy định việc cung cấp dịch vụ định danh, xác thực điện tử xuyên biên giới trong khuôn khổ pháp lý thống nhất.

- Giải pháp 3: Nhà nước đóng vai trò thiết lập nền tảng chung, dẫn dắt, điều phối, liên thông, khai thác, ứng dụng dữ liệu về định danh điện tử giữa các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ; Các tổ chức, doanh nghiệp thực hiện một phần hoặc toàn bộ hoạt động định danh điện tử; xây dựng cơ chế liên thông, hợp tác quốc tế trong lĩnh vực định danh và xác thực điện tử

(1) Bổ sung quy định về dịch vụ định danh điện tử, theo hướng Nhà nước thống nhất quản lý và tổ chức cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử trên toàn quốc.

(2) Trong đó nhà nước thực hiện việc định danh và xác thực điện tử đối với: Đối tượng là cơ quan, tổ chức, cá nhân; Đối tượng là địa điểm, không gian; Đối tượng thuộc danh mục dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng theo quy định pháp luật về dữ liệu; Đối tượng thuộc phạm vi bí mật Nhà nước theo quy định pháp luật về bí mật Nhà nước; Đối tượng theo quy định pháp luật chuyên ngành yêu cầu phải thực hiện hoạt động định danh điện tử theo mô hình tập trung.

Tổ chức, doanh nghiệp đủ điều kiện cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử theo quy định của pháp luật được cung cấp dịch vụ đối với các đối tượng không thuộc phạm vi nhà nước thực hiện định danh.

(3) Mô hình xác thực điện tử bao gồm: Mô hình xác thực tập trung, mô hình xác thực trung gian và mô hình xác thực tự chủ.

(4) Quy định về cơ chế liên thông, hợp tác quốc tế và công nhận lẫn nhau trong lĩnh vực định danh và xác thực điện tử.

d) Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn:

Đề xuất lựa chọn giải pháp 3 là Nhà nước đóng vai trò thiết lập nền tảng chung, dẫn dắt, điều phối, liên thông, khai thác, ứng dụng dữ liệu về định danh điện tử giữa các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ; Các tổ chức, doanh nghiệp thực hiện một phần hoặc toàn bộ hoạt động định danh điện tử; xây dựng cơ chế liên thông, hợp tác quốc tế trong lĩnh vực định danh và xác thực điện tử. Lý do:

- Bảo đảm hài hòa giữa vai trò kiến tạo của Nhà nước và huy động nguồn lực xã hội trong cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử. Nhà nước tập trung quản lý dữ liệu gốc, tiêu chuẩn kỹ thuật và bảo đảm an ninh, an toàn hệ thống; đồng thời mở rộng có kiểm soát sự tham gia của khu vực tư nhân. Cách tiếp cận này khắc phục hạn chế của mô hình tập trung hóa hoàn toàn (Giải pháp 2) về áp lực nguồn lực, đồng thời khắc phục hạn chế của mô hình giữ nguyên hiện trạng (Giải pháp 1) về thiếu động lực phát triển và đồng bộ thể chế.

- Góp phần hình thành hệ sinh thái dịch vụ định danh, xác thực điện tử đa dạng và cạnh tranh, thông qua việc cho phép khu vực tư nhân tham gia cung cấp dịch vụ. Qua đó, huy động hiệu quả nguồn lực đầu tư, công nghệ và đổi mới sáng tạo từ xã hội, giảm gánh nặng đầu tư công, đồng thời nâng cao chất lượng dịch vụ, mức độ an toàn xác thực và trải nghiệm người dùng, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh của kinh tế số.

- Huy động và mở rộng không gian phát triển kinh tế số xuyên biên giới thông qua cơ chế công nhận lẫn nhau danh tính điện tử giữa các hệ thống tin cậy. Cơ chế này giúp giảm chi phí và thời gian xác minh trong giao dịch quốc tế, rút gọn thủ tục đầu tư, thương mại và dịch vụ số, qua đó nâng cao mức độ kết nối với các hệ thống định danh quốc tế, tăng năng lực thu hút đầu tư và nâng cao sức cạnh tranh quốc gia trong nền kinh tế số toàn cầu.

- Đáp ứng yêu cầu phân định vai trò: Nhà nước quản lý định danh gốc và các đối tượng cốt lõi, dữ liệu thuộc phạm vi an ninh, bí mật quốc gia; tổ chức, doanh nghiệp đủ điều kiện tham gia cung cấp dịch vụ định danh, xác thực điện tử và được khuyến khích đầu tư hạ tầng. Mức độ tin cậy của dịch vụ xác thực được phân tầng theo loại giao dịch và mức độ rủi ro; việc tích hợp chức năng giao dịch, thanh toán trên VNeID được phân định rõ ranh giới pháp lý và trách nhiệm; danh tính, kết quả xác thực của nước ngoài được công nhận theo mức độ tin cậy tương đương.

- Về kiến trúc dữ liệu, bên cạnh nền tảng tập trung quản lý định danh gốc, hệ thống áp dụng nguyên tắc tối thiểu hóa dữ liệu và khai thác dữ liệu tại nguồn (mô hình lai), hỗ trợ danh tính tự chủ, phân tán nhằm giảm áp lực đầu tư và tăng cường bảo vệ dữ liệu cá nhân; bảo đảm tính thống nhất, tránh chồng lấn với Luật Dữ liệu, Luật Giao dịch điện tử và Luật An ninh mạng.

- Bảo đảm cơ chế bồi thường thiệt hại và chế tài xử lý pháp lý đối với hành vi làm sai lệch, lộ lọt dữ liệu định danh gây thiệt hại cho cá nhân, tổ chức, gắn với trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ.

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH

1. Dự kiến nguồn lực, điều kiện đảm bảo thi hành

- Bố trí nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước và nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật để thực hiện các quy định trong Luật Định danh và xác thực điện tử.

- Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang nhân dân trong hệ thống hành chính từ trung ương đến địa phương là nguồn nhân lực chủ yếu thi hành luật. Ngoài ra, nhân lực của các tổ chức đủ điều kiện theo quy định của Chính phủ tham gia vào hoạt động định danh và xác thực điện tử. Nhằm bảo đảm nguồn nhân lực có đủ năng lực chuyên môn để vận hành ngay khi Luật có hiệu lực, phương án bố trí và sử dụng nhân sự được thực hiện trên cơ sở nguyên tắc: Tận dụng tối đa nguồn lực sẵn có, Đào tạo thực chất cho nguồn nhân lực và có chính sách thu hút chuyên gia. Đánh giá cụ thể về nhu cầu nguồn nhân lực:

+ Nhu cầu nhân lực của cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương và địa phương: Hiện nay quy trình đăng ký, xác thực phần lớn được tự động hóa trực tuyến toàn trình (eKYC), áp lực lên nhân sự trực tiếp được giảm thiểu tối đa. Nguồn nhân lực tập trung chủ yếu vào công tác xây dựng thể chế, ban hành tiêu chuẩn kỹ thuật, kiểm soát an toàn thông tin. Do đó, nhu cầu nhân lực quản lý nhà nước sẽ được giải quyết triệt để thông qua cơ chế điều chuyển nội bộ, tối ưu hóa chức năng nhiệm vụ của bộ máy hiện tại mà không làm phát sinh tổng biên chế hành chính quốc gia.

+ Nhân lực vận hành, quản trị, bảo đảm an ninh mạng, an toàn dữ liệu của hệ thống định danh và xác thực điện tử

Để bảo đảm tính thông suốt và tính chính xác cao cho hệ thống định danh và xác thực điện tử đòi hỏi một đội ngũ nhân lực kỹ thuật chất lượng cao chuyên trách ở khu vực nhà nước và nguồn nhân lực của khu vực tư nhân. Nguồn nhân lực này sẽ được kế thừa, kiện toàn và điều động từ đội ngũ kỹ sư, chuyên gia công nghệ thông tin sẵn có, ngoài ra bổ sung lực lượng chuyên gia đối với lĩnh vực này.

+ Để bảo đảm sự đồng bộ giữa năng lực con người và tiến độ hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, lộ trình triển khai công tác nhân sự được xác định cụ thể trong khoảng thời gian chuyển tiếp 18 tháng kể từ khi Luật được ban hành. Đảm bảo nguồn nhân lực chất lượng cao triển khai Luật.

- Thực hiện xã hội hóa; huy động mọi nguồn lực xã hội phục vụ hoạt động định danh và xác thực điện tử.

- Bảo đảm khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa hệ thống định danh và xác thực điện tử quốc gia với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và hệ thống thông tin của các cơ quan, tổ chức có liên quan theo quy định của pháp luật về dữ liệu, bảo đảm thông suốt, an toàn, an ninh thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

- Xây dựng lộ trình triển khai phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa bàn, có giải pháp hỗ trợ đối với vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo và các nhóm yếu thế; tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn để người dân, doanh nghiệp thuận lợi trong tiếp cận và sử dụng dịch vụ định danh, xác thực điện tử.

2. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị, kinh phí

Phát sinh kinh phí phục vụ công tác tuyên truyền, phổ biến và triển khai thi hành Luật; kinh phí đầu tư xây dựng, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu và hệ thống kỹ thuật phục vụ vận hành hệ thống định danh và xác thực điện tử quốc gia; kinh phí mua sắm phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ phục vụ công tác định danh và xác thực điện tử; kinh phí tổ chức thi hành các quy định của luật định danh và xác thực điện tử (chi phí quản lý, chi phí tuân thủ của các tổ chức cung cấp dịch vụ, chi phí của các tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ); và các khoản kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật để bảo đảm triển khai thực hiện các quy định của Luật Định danh và xác thực điện tử.

3. Về bảo đảm bình đẳng giới và chính sách dân tộc

Các chính sách, giải pháp về định danh và xác thực điện tử được áp dụng thống nhất, bình đẳng đối với mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân, không tạo ra sự phân biệt đối xử về giới, không hạn chế cơ hội và điều kiện tiếp cận của bất kỳ giới nào; bảo đảm phụ nữ và nam giới có cơ hội tiếp cận, sử dụng và thụ hưởng các dịch vụ định danh, xác thực điện tử như nhau theo quy định của pháp luật về bình đẳng giới.

Về chính sách dân tộc, Luật không hạn chế việc tiếp cận các dịch vụ định danh và xác thực đối với đồng bào dân tộc thiểu số, đồng thời đây còn là một phương thức mới giúp đồng bào dân tộc thiểu số có điều kiện tiếp cận với khoa học, công nghệ; các chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số được thực hiện theo quy định chung của nhà nước về chế độ an sinh xã hội đối với dân tộc thiểu số, trong đó có chính sách hỗ trợ tiếp cận dịch vụ viễn thông công ích....quá trình tổ chức thực hiện Luật ưu tiên hỗ trợ vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo và các nhóm yếu thế trong tiếp cận dịch vụ định danh và xác thực điện tử; có giải pháp khắc phục hạn chế về kỹ năng số, hạ tầng và điều kiện cơ sở vật chất, kết hợp tuyên truyền, hướng dẫn bằng hình thức phù hợp với đặc điểm từng địa bàn, bảo đảm không ai bị bỏ lại phía sau trong chuyển đổi số.

VII. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH QUỐC HỘI

Bộ Công an đề xuất trình Chính phủ Hồ sơ dự án Luật Định danh và xác thực điện tử và trình Quốc hội xem xét thông tại Kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XVI.

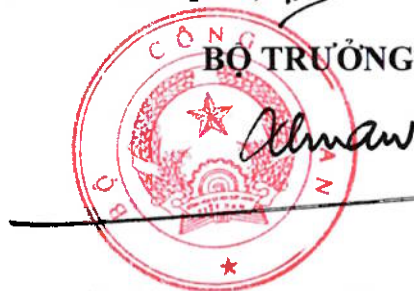
Thời gian Luật có hiệu lực dự kiến từ ngày 01/7/2027.

Trên đây là Tờ trình về các chính sách của dự án Luật Định danh và xác thực điện tử, Bộ Công an kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./

(Xin gửi kèm theo: (1) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách Luật; (2) Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến chính sách; (3) Báo cáo tổng kết việc thi hành Luật; (4) Bản thuyết minh quy phạm hóa chính sách; (5) Bản tổng hợp ý kiến tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, tham vấn chính sách của hồ sơ Luật Định danh và xác thực điện tử; (6) Dự thảo Luật Định danh và xác thực điện tử; (7) Báo cáo thẩm định chính sách của Luật; (8) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định; (9) Dự thảo Nghị quyết của Chính phủ về chính sách Luật Định danh và xác thực điện tử; các tài liệu khác có liên quan).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Các đồng chí Thứ trưởng Bộ Công an;
- Lưu: VT, QLHC.



Đại tướng Lương Tam Quang